

Số: /QĐ-UBND Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao tài sản, chuyển đổi công năng và giao tài sản cho các cơ quan, đơn vị thuộc xã Hiệp Hòa để quản lý, sử dụng theo quy định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 113/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 123/TTr-STC ngày 25/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản, chuyển đổi công năng và giao tài sản cho các cơ quan, đơn vị thuộc xã Hiệp Hòa để quản lý, sử dụng theo quy định. Cụ thể như sau:

1. Giao tài sản công là nhà, đất, xe ô tô (Chi tiết tài sản tại Biểu số 01 đính kèm) cho Văn phòng Đảng ủy xã Hiệp Hòa, Văn phòng HĐND và UBND xã Hiệp Hòa, Trung tâm Hành chính công xã Hiệp Hòa, Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Hiệp Hòa, Trung tâm Chính trị Hiệp Hòa, Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Hòa để quản lý, sử dụng theo quy định.

2. Chuyển đổi công năng và giao cơ sở nhà, đất là trụ sở UBND xã Lương Phong (cũ) cho Trường THCS Lương Phong để quản lý, sử dụng theo quy định (Chi tiết tài sản tại Biểu số 02 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các cơ quan, đơn vị được giao tài sản tại Điều 1 Quyết định này phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, thủ tục bàn giao, tiếp nhận tài sản; hạch toán kế toán; cập nhật biến động tài sản vào phần mềm quản lý tài sản công; hoàn thiện các thủ tục hành chính về đất đai, thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của đơn vị và quản lý, sử dụng tài sản theo quy định hiện hành. Trường hợp khi tiếp nhận tài sản chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại, đơn vị tiếp nhận tài sản thực hiện xác định nguyên giá, giá trị còn lại để hạch toán vào giá trị tài sản của đơn vị theo quy định.

2. UBND xã Hiệp Hòa có trách nhiệm phối hợp Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy hoạch phù hợp với công năng sử dụng mới của tài sản.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND xã Hiệp Hòa, Văn phòng Đảng ủy xã Hiệp Hòa, Văn phòng HĐND và UBND xã Hiệp Hòa, Trung tâm Hành chính công xã Hiệp Hòa, Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Hiệp Hòa, Trung tâm Chính trị Hiệp Hòa, Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Hòa, Trường THCS Lương Phong và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.Hài

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Tân Phụng

DANH MỤC TÀI SẢN GIAO CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC XÃ HIỆP HÒA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đã tiếp nhận từ đơn vị nào trước thời điểm ngày 01/7/2025
I	VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY XÃ							
1	Đất trụ sở, thôn phố số 1, xã Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Ninh	TSVH	m2	17315	2008	32.000.000.000	32.000.000.000	Văn phòng huyện ủy Hiệp Hòa cũ
2	Nhà khách và kho lưu trữ (Nhà III; số tầng:03 tầng)	TSCĐ	m2	1.200	2008	1.935.475.000	696.771.000	
3	Trụ sở làm việc (Nhà cấp III ; số tầng: 05 tầng)	TSCĐ	m2	2.400	2016	28.521.511.000	19.394.627.480	
4	Xe ô tô con 7 chỗ nhãn hiệu Huyndai, số loại Santafe (98A - 01256)	TSCĐ	Chiếc	1	2024	1.261.250.000	1.177.124.625	
II	VĂN PHÒNG HĐND - UBND XÃ							
1	Cơ sở 1 (Địa chỉ: thôn số 1, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh)							Văn phòng HĐND và UBND huyện Hiệp Hòa cũ'
	Đất	TSVH	m2	17,315	1998	554.080.000.000	554.080.000.000	
	Trụ sở nhà làm việc UBND (Nhà cấp: III , số tầng : 4 tầng	TSCĐ	m2	2.340	2015	23.036.068.000	15.997.385.360	
2	Cơ sở 2 (Thôn Bái Thượng, xã Hiệp Hòa)							UBND xã Đoàn Bái cũ
	Đất	TSVH	m2	1.796	1990	1.885.800.000	1.885.800.000	
	Nhà 1: Hội trường (Nhà cấp IV: số tầng 02 tầng)	TSCĐ	m2	413	2014	4.587.808.000	2.139.455.000	
	Nhà 2: Nhà Kho (Nhà cấp IV; số tầng : 02 tầng)	TSCĐ	m2	109	2008	279.943.000		
	Nhà 3: Nhà Kho (Nhà cấp IV; số tầng : 02 tầng)	TSCĐ	m2	194,5	1992	164.690.000		
III	TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG							
1	Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, các hạng mục phụ trợ (Địa chỉ: thôn số 1, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh)	TSCĐ	m2	500	2021	7.052.313.000	6.050.545.657	Tiếp nhận từ Văn phòng HĐND - UBND huyện Hiệp Hòa
IV	TRUNG TÂM CUNG ỨNG SỰ NGHIỆP CÔNG							
1	Đất trụ sở Trụ sở Tiếp công dân - Trung CUSNC thôn Trung Đồng, xã Hiệp Hòa	TSCĐ	m2	2300	2021	10.580.000.000	10.580.000.000	Trung tâm Văn hóa – Thông tin và thể thao huyện Hiệp Hòa
2	Nhà liên cơ quan Trụ sở tiếp công dân - Trung tâm cung ứng sự nghiệp công xã Hiệp Hòa Nhà cấp III; số tầng: 03 tầng	TSCĐ	nhà	1165	2021	10.547.773.000	8.860.129.320	
3	Nhà tập luyện thể thao trong nhà xã Hiệp Hòa (Nhà cấp	TSCĐ	nhà	475	2021	1.087.436.000	797.308.076	

	IV)								
4	Nhà tập luyện đa năng xã Hiệp Hòa (Nhà cấp IV)	TSCĐ	nhà	727	2021	6.299.930.000	5.039.944.000		
5	Hội trường xã Hiệp Hòa (Nhà cấp: IV)	TSCĐ	nhà	505	2001	1.818.000.000	72.720.000		
6	Sân vận động xã Hiệp Hòa								
	Đất	TSCĐ	m2	10496,9	2013	37.788.840.000	37.788.840.000		
	Bậc, khán đài,...	TSCĐ	SVD		2013	5.242.894.000	2.097.157.600		
7	Ô tô (KIA 98A.00943)	TSCĐ	Chiếc	1	2013	383.600.000	76.601.084		
8	Xe ô tô ép rác (MITSUBISHI 98A-01030)	TSCĐ	Chiếc	1	2012	1.190.000.000	158.151.000		Trung tâm QLTT GT XD và MT Huyện Hiệp Hòa (cũ)
9	Xe ô tô chở rác (HINO 98A.01028)	TSCĐ	Chiếc	1	2022	1.860.000.000	1.487.814.000		
V	TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ HIỆP HÒA								
1	Đất	TSVH	m2	7565,6	2020	49.176.400.000	49.176.400.000		TTCT huyện Hiệp Hòa
2	Nhà	TSCĐ	m2	900	2012	3.751.014.000	3.502.697.000		
VI	PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI								
1	Trụ sở Nhà làm việc liên cơ quan xã Hiệp Hòa (Nhà cấp III; số tầng: 07 tầng)	TSCĐ	m2	6107	2021	56.614.480.800	52.085.322.336		Văn phòng HĐND và UBND huyện Hiệp Hòa (cũ)
2	NHÀ VĂN HÓA THÔN								
	Khu Xã Danh Thắng Cũ								
2.1	Nhà văn hóa thôn Danh Thượng 1								
	Đất nhà văn hóa thôn Danh Thượng 1	TSVH	m2	1020,5		918.359.100	918.359.100		
	Nhà văn hóa thôn Danh Thượng 1	TSCĐ	m2	150	2017	340.000.000	158.576.000		
2.2	Nhà văn hóa thôn Danh Thượng 2								
	Đất nhà văn hóa thôn Danh Thượng 2	TSVH	m2	630,3		680.720.000	680.720.000		
	Nhà văn hóa thôn Danh Thượng 2	TSCĐ	m2	156	2019	360.000.000	215.928.000		
2.3	Nhà văn hóa thôn Nam Đồng								
	Đất nhà văn hóa thôn Nam Đồng	TSVH	m2	786		849.312.000	849.312.000		
	Nhà văn hóa thôn Nam Đồng	TSCĐ	m2	190	2017	300.000.000	139.920.000		
2.4	Nhà văn hóa thôn Phúc Thắng								
	Đất nhà văn hóa thôn Phúc Thắng	TSVH	m2	395,8		427.464.000	427.464.000		
	Nhà văn hóa thôn Phúc Thắng	TSCĐ	m2	150	2017	300.000.000	139.920.000		UBND Xã Danh Thắng (cũ)
2.5	Nhà văn hóa thôn Trung Phú								
	Đất nhà văn hóa thôn Trung Phú	TSVH	m2	1058		1.142.640.000	1.142.640.000		
	Nhà văn hóa thôn Trung Phú	TSCĐ	m2	186	2016	280.000.000	111.916.000		
2.6	Nhà văn hóa thôn Đại Đồng 1								
	Đất nhà văn hóa thôn Đại Đồng 1	TSVH	m2	9760,2		10.541.016.000	10.541.016.000		
	Nhà văn hóa thôn Đại Đồng 1	TSCĐ	m2	186	2018	350.000.000	186.585.000		
2.7	Nhà văn hóa thôn Đại Đồng 2								
	Đất nhà văn hóa thôn Đại Đồng 2	TSVH	m2	5094		5.501.520.000	5.501.520.000		
	Nhà văn hóa thôn Đại Đồng 2	TSCĐ	m2	194	2019	380.000.000	227.924.000		

2.8	Nhà văn hóa thôn Danh Thượng 3							
	Đất nhà văn hóa thôn Danh thượng 3	TSVH	m2	1364,3			1.304.600.000	1.304.600.000
	Nhà văn hóa thôn Danh Thượng 3	TSCĐ	m2	128	2019		290.000.000	173.942.000
	Khu Xã Đoàn Bái cũ							
2.9	Nhà văn hoá thôn Khánh Vân							
	Đất nhà văn hoá thôn Khánh Vân	TSVH	m2	3.120			3.276.210.000	3.276.210.000
	Nhà văn hoá thôn Khánh Vân	TSCĐ	m2	175	2012		191.957.000	
2.10	Nhà văn hoá thôn An Lập							
	Đất nhà văn hoá thôn An Lập	TSVH	m2	6.819			7.159.950.000	7.159.950.000
	Nhà văn hoá thôn An Lập	TSCĐ	m2	285	2014		866.117.000	
2.11	Nhà văn hoá thôn Giữa Nửa							
	Đất nhà văn hoá thôn Giữa Nửa	TSVH	m2	2.056			2.158.590.000	2.158.590.000
	Nhà văn hoá thôn Giữa Nửa	TSCĐ	m2	230	2012		851.318.000	
2.12	Nhà văn hoá thôn Đông Nửa							
	Đất nhà văn hoá thôn Đông Nửa	TSVH	m2	2.422			2.542.575.000	2.542.575.000
	Nhà văn hoá thôn Đông Nửa	TSCĐ	m2	250	2024		416.831.000	
2.13	Nhà văn hoá thôn Cầu							
	Đất nhà văn hoá thôn Cầu	TSVH	m2	438			459.900.000	459.900.000
	Nhà văn hoá thôn Cầu	TSCĐ	m2	250	2020		183.636.000	
2.14	Nhà văn hoá thôn Sau							
	Đất nhà văn hoá thôn Sau	TSVH	m2	1.529			1.605.450.000	1.605.450.000
	Nhà văn hoá thôn Sau	TSCĐ	m2	280	2024		324.354.000	
2.15	Nhà văn hoá thôn Tam Đồng							
	Đất nhà văn hoá thôn Tam Đồng	TSVH	m2	968			1.016.190.000	1.016.190.000
	Nhà văn hoá thôn Tam Đồng	TSCĐ	m2	210	2001		150.000.000	
2.16	Nhà văn hoá thôn Bái Thượng							
	Đất nhà văn hoá thôn Bái Thượng	TSVH	m2	1.576			1.654.485.000	1.654.485.000
	Nhà văn hoá thôn Bái Thượng	TSCĐ	m2	260	2020		428.635.000	
2.17	Nhà văn hoá thôn An Hoà							
	Đất nhà văn hoá thôn An Hoà	TSVH	m2	9.174			9.633.015.000	9.633.015.000
	Nhà văn hoá thôn An Hoà	TSCĐ	m2	285	2012		750.000.000	
2.18	Nhà văn hoá thôn Phú Thuận							
	Đất nhà văn hoá thôn Phú Thuận	TSVH	m2	2.549			2.676.555.000	2.676.555.000
	Nhà văn hoá thôn Phú Thuận	TSCĐ	m2	250	2014		576.471.000	
2.19	Nhà văn hoá thôn Tân Sơn							
	Đất nhà VH thôn Tân Sơn	TSVH	m2	1.177			1.236.270.000	1.236.270.000
	Nhà văn hoá thôn Tân Sơn	TSCĐ	m2	204	2014		1.134.329.000	
	Xã Lương Phong cũ							

UBND Xã Đoàn Bái (cũ)

2.20	Nhà văn hóa thôn Cẩm							
	Đất Nhà văn hóa thôn Cẩm	TSVH	m2	981,6	2014	428.880.000	428.880.000	
	Nhà văn hóa thôn Cẩm	TSCĐ	m2	216	2021	851.053.000	567.226.825	
2.21	Nhà văn hóa thôn Chùa							
	Đất Nhà văn hóa thôn Chùa	TSVH	m2	529	2014	443.360.000	443.360.000	
	Nhà văn hóa thôn Chùa	TSCĐ	m2	110	2011	482.450.000	28.363.390	
2.22	Nhà văn hóa thôn Vân An							
	Đất Nhà văn hóa thôn Vân An	TSVH	m2	434,8	2014	365.400.000	365.400.000	
	Nhà văn hóa thôn Vân An	TSCĐ	m2	100	2009	389.500.000	0	
2.23	Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 1							
	Đất Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 1	TSVH	m2	1480	2014	12.432.000.000	12.432.000.000	
	Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 1	TSCĐ	m2	256	2021	813.142.000	541.959.144	
2.24	Nhà văn hóa thôn Giữa							
	Đất Nhà văn hóa thôn Giữa	TSVH	m2	882,3	2014	740.880.000	740.880.000	
	Nhà văn hóa thôn Giữa	TSCĐ	m2	256	2021	808.204.000	538.667.966	
2.25	Nhà văn hóa thôn Đông							
	Đất Nhà văn hóa thôn Đông	TSVH	m2	1623,2	2014	1.363.320.000	1.363.320.000	
	Nhà văn hóa thôn Đông	TSCĐ	m2	256	2020	835.125.000	511.704.374	
2.26	Nhà văn hóa thôn Tứ							
	Đất Nhà văn hóa thôn Tứ	TSVH	m2	1375	2014	1.155.000.000	1.155.000.000	
	Nhà văn hóa thôn Tứ	TSCĐ	m2	250	2020	952.058.000	571.044.388	
2.27	Nhà văn hóa thôn Khánh							
	Đất Nhà văn hóa thôn Khánh	TSVH	m2	490,7	2014	412.440.000	412.440.000	
	Nhà văn hóa thôn Khánh	TSCĐ	m2	90	2020	249.674.000	149.754.468	
2.28	Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 2							
	Đất Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 2	TSVH	m2	619,7	2014	520.800.000	520.800.000	
	Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 2	TSCĐ	m2	256	2021	807.672.000	538.313.389	
2.29	Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 3							
	Đất Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 3	TSVH	m2	837,5	2014	703.920.000	703.920.000	
	Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 3	TSCĐ	m2	256	2020	874.351.000	524.435.729	
2.30	Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 4							
	Đất Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 4	TSVH	m2	626,8	2014	524.660.000	524.660.000	
	Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 4	TSCĐ	m2	256	2021	835.795.000	557.177.337	
2.31	Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 5							
	Đất Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 5	TSVH	m2	1085,3	2014	1.516.200.000	1.516.200.000	
	Nhà văn hóa thôn Sơn Quả 5	TSCĐ	m2	110	2025	244.073.000	164.290.324	
	Xã Đông Lỗ cũ							
2.32	Nhà Văn hóa thôn Yên Ninh							UBND Xã Đông Lỗ (cũ)

UBND Xã Lương Phong (cũ)

	Đất nhà văn hóa thôn Yên Ninh	TSVH	m2	1.604	2023	1.347.276.000	1.347.276.000	
	Nhà Văn hóa thôn Yên Ninh	TSCĐ	m2	360	2023	1.669.820.000	1.447.066.012	
2.33	Nhà Văn Hóa thôn Đông Lỗ							
	Đất nhà văn hóa thôn Đông Lỗ	TSVH	m2	3468	2017	3.641.295.000	3.641.295.000	
	Nhà Văn Hóa thôn Đông Lỗ	TSCĐ	m2	167	2017	592.868.000	276.513.635	
2.34	Nhà văn Hóa thôn Vân Cầm							
	Đất nhà văn thôn Vân Cầm	TSVH	m2	1692,7	2017	1.421.868.000	1.421.868.000	
	Nhà văn Hóa thôn Vân Cầm	TSCĐ	m2	240	2020	727.754.100	436.506.910	
2.35	Nhà văn hóa thôn Hưng Đạo							
	Đất nhà văn hóa thôn Hưng Đạo	TSVH	m2	682,4	2010	573.216.000	573.216.000	
	Nhà văn hóa thôn Hưng Đạo	TSCĐ	m2	360	2018	109.546.000	58.398.973	
2.36	Nhà văn hóa thôn Chăm							
	Đất Nhà văn hóa thôn Chăm	TSVH	m2	1119,7	2017	1.175.685.000	1.175.685.000	
	Nhà văn hóa thôn Chăm	TSCĐ	m2	250	2018	717.399.000	334.594.894	
2.37	Nhà Văn hóa thôn Hạnh							
	Đất nhà văn hóa thôn Hạnh	TSVH	m2	768	2017	645.372.000	645.372.000	
	Nhà Văn hóa thôn Hạnh	TSCĐ	m2	167	2017	591.473.000	275.863.007	
2.38	Nhà Văn Hóa Khoát							
	Đất nhà văn hóa thôn Khoát	TSVH	m2	1328,5	2022	1.115.856.000	1.115.856.000	
	Nhà văn hóa thôn Khoát	TSCĐ	m2	256	2023	1.620.469.000	1.404.298.436	
2.39	Nhà văn hóa thôn Chúng							
	Đất nhà văn hóa thôn Chúng (mới)	TSVH	m2	2420	2017	2.032.380.000	2.032.380.000	
	Nhà văn hóa thôn Chúng	TSCĐ	m2	166,8	2020	764.354.000	458.459.529	
2.40	Nhà văn hóa thôn Ấp Hồng							
	Đất nhà văn hóa thôn Ấp Hồng	TSVH	m2	369	2018	309.876.000	309.876.000	
	Nhà Văn hóa thôn Ấp Hồng	TSCĐ	m2	75	2019	144.991.000	77.294.702	
2.41	Nhà Văn Hóa thôn Đồng Quan							
	Đất nhà văn hóa thôn Đồng Quan	TSVH	m2	2248	2024	1.918.560.000	1.918.560.000	
	Nhà văn hóa thôn Đồng Quan	TSCĐ	m2	233,1	2024	2.383.164.000	2.323.584.900	
2.42	Nhà Văn hóa thôn Nghĩa Tiên							
	Đất nhà văn hóa thôn Nghĩa Tiên	TSVH	m2	1361	2010	1.429.050.000	1.429.050.000	
	Nhà văn hóa thôn Nghĩa Tiên	TSCĐ	m2	180	2018	120.535.000	64.257.208	
2.44	Đất nhà văn thôn Khoát (cũ)							
	Đất	TSVH	m2	515,5	2010	556.740.000	556.740.000	
	Nhà văn hóa thôn Khoát cũ	TSCĐ	m2	360				
	Thị Trấn Thắng (Cũ)							
2.45	Nhà Văn Hóa thôn Tân Kết							
	Đất	TSVH	m2	2226,5	2014	3.117.100.000	3.117.100.000	UBND Thị Trấn Thắng (Cũ)

	Nhà Văn Hóa thôn Tân Kết	TSCĐ	m2	171	2007	428.250.000	64.237.500
2.46	Nhà văn hóa thôn Trung Đông						
	Đất	TSVH	m2	617,4	2014	2.099.160.000	2.099.160.000
	Nhà văn hóa	TSCĐ	m2	164	2006	410.000.000	41.000.000
2.47	Nhà văn hóa thôn số 2						
*	<i>Nhà văn hóa thôn số 2 (Khu 5)</i>						
	Đất	TSVH	m2	303,4	2014	1.031.560.000	1.031.560.000
	Nhà văn hóa thôn số 2 (Khu 5)	TSCĐ	m2	115	2016	771.845.000	463.107.000
*	<i>Nhà văn hóa thôn số 2 (Khu 3)</i>						
	Đất	TSVH	m2	214	2014	1.005.800.000	1.005.800.000
	Nhà Văn hóa thôn số 2 (Khu 3)	TSCĐ	m2	144	2007	360.000.000	108.000.000
2.48	Đất nhà văn hóa thôn số 3						
	Đất	TSVH	m2	212,6	2014	433.200.000	433.200.000
	Nhà Văn hóa thôn số 3	TSCĐ	m2	89	2014	670.347.000	335.173.500
2.49	Nhà văn hóa thôn Đông Ngàn						
	Đất	TSVH	m2	1285,7	2014	3.214.250.000	3.214.250.000
	Nhà văn hóa thôn Đông Ngàn	TSCĐ	m2	142	2019	1.059.299.000	635.582.400
2.50	Nhà văn hóa thôn An Thông						
	Đất nhà văn hóa thôn An Thông	TSVH	m2	409,1	2014	1.022.750.000	1.022.750.000
	Nhà văn hóa thôn An Thông	TSCĐ	m2	128	2003	318.750.000	0
2.51	Nhà văn hóa thôn Dinh Hương						
	Đất nhà văn hóa thôn Dinh Hương	TSVH	m2	1239,7	2014	4.710.860.000	4.710.860.000
	Nhà văn hóa thôn Dinh Hương	TSCĐ	m2	270	2018	1.110.203.000	592.108.300
2.52	Nhà Văn Hóa thôn Việt Hùng						
	Đất nhà văn hóa thôn Việt Hùng	TSVH	m2	299	2014	747.500.000	747.500.000
	Nhà Văn Hóa thôn Việt Hùng	TSCĐ	m2	120	2007	300.000.000	45.000.000
2.53	Nhà Văn Hóa thôn Đức Thịnh						
	Đất nhà văn hóa thôn Đức Thịnh	TSVH	m2	1472,3	2009	3.680.750.000	3.680.750.000
	Nhà Văn Hóa thôn Đức Thịnh	TSCĐ	m2	370	2004	924.000.000	184.800.000
2.54	Nhà văn hóa thôn Phúc Thắng 1						
	Đất nhà văn hóa Phúc Thắng 1	TSVH	m2	764	2014	1.528.400.000	1.528.400.000
	Nhà Văn Hóa thôn Phúc Thắng 1	TSCĐ	m2	167	2004	416.250.000	0
2.55	Nhà văn hóa thôn Hưng Thịnh						
	Đất nhà văn hóa thôn Hưng Thịnh	TSVH	m2	510,7	2014	1.021.400.000	1.021.400.000
	Nhà văn hóa thôn Hưng Thịnh	TSCĐ	m2	146	2016	659.882.000	219.740.706
2.56	Nhà Văn Hóa thôn Quyết Thịnh						
	Đất nhà văn hóa thôn Quyết Thịnh	TSVH	m2	1645,3	2014	3.290.600.000	3.290.600.000
	Nhà Văn Hóa thôn Quyết Thịnh	TSCĐ	m2	148	2004	370.500.000	0

2.57	Nhà văn hóa thôn Văn Tụ						
	Đất nhà văn hóa thôn Văn Tụ	TSVH	m2	1201	2014	3.002.500.000	3.002.500.000
	Nhà văn hóa thôn Văn Tụ	TSCĐ	m2	170	2005	425.000.000	21.250.000
2.58	Nhà văn hóa thôn Tiên Hưng						
	Đất nhà văn hóa thôn Tiên Hưng	TSVH	m2	1340,2	2014	5.360.800.000	5.360.800.000
	Nhà văn hóa thôn Tiên Hưng	TSCĐ	m2	146	2016	659.882.000	219.740.706
2.59	Nhà Văn Hóa thôn Sa Long						
	Đất nhà văn hóa thôn Sa Long	TSVH	m2	1489,4	2014	6.255.480.000	6.255.480.000
	Nhà Văn Hóa thôn Sa Long	TSCĐ	m2	192	2006	480.000.000	48.000.000

DANH MỤC TÀI SẢN CHUYỂN ĐỔI CÔNG NĂNG VÀ GIAO CHO TRƯỜNG THCS LƯƠNG PHONG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá/ Đơn giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Nội dung chuyển đổi công năng	Đơn vị tiếp nhận tài sản
	Trụ sở UBND Xã Lương phong (cũ)				12.820.625.000	9.377.949.600		
1	Đất trụ sở làm việc cơ sở 2	m2	4.832	2019	5.073.600.000	5.073.600.000	Chuyển đổi từ trụ sở làm việc thành cơ sở giáo dục – đào tạo	Trường THCS Lương Phong
2	Nhà làm việc 2 (Trụ sở cơ sở 2 - Nhà cấp IV; Số tầng 2 tầng)	m2	490	2005	2.274.205.000	0		
3	Nhà làm việc 5 Nhà cấp IV (Trụ sở cơ sở 2 - (3 phòng học))	m2	236	2009	738.000.000	0		
4	Nhà làm việc 4 Nhà cấp IV (Trụ sở cơ sở 2 (1 phòng học))	m2	95	2018	286.000.000	152.466.600		
5	Nhà làm việc 3 Nhà cấp IV; số tầng: 02 tầng (Trụ sở cơ sở 2 (4 phòng học))	m2	256	2023	4.448.820.000	4.151.883.000		